

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt đầu tư Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/2/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Hiệp định số Cr.5810-VN ký giữa Chính phủ và Ngân hàng Thế giới (WB) về tài trợ Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (Dự án LRAMP);

Căn cứ Quyết định số 2529/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình xây dựng cầu dân sinh đảm bảo an toàn giao thông vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2014 - 2020.

Căn cứ Quyết định số 330/QĐ-TTg ngày 02/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Văn bản số 1029/VPCP-KTN ngày 29/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc cập nhật danh mục cầu trong Chương trình xây dựng cầu dân sinh đảm bảo ATGT vùng dân tộc thiểu số và trong Dự án LRAMP sử dụng vốn vay WB;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016 của Bộ GTVT phê duyệt đầu tư Dự án cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1695/BGTVT-KHĐT ngày 14/6/2017 của Bộ GTVT về điều chỉnh danh mục cầu tại Quyết định số 2529/QĐ-TTg ngày 31/12/2015

của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình xây dựng cầu dân sinh đảm bảo an toàn giao thông vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2014 – 2020;

Căn cứ văn bản của các tỉnh đề nghị điều chỉnh danh mục cầu, đường và một số nội dung trong Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Dự án LRAMP;

Xét đề nghị của Tổng cục Đường bộ Việt Nam tại tờ trình số 23/TCĐBVN-CQLXĐDB ngày 07/4/2017 về việc xin phê duyệt điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016 của Bộ GTVT phê duyệt đầu tư Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương;

Theo đề nghị của Ông Vụ trưởng Vụ Kế hoạch đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 716/KHĐT ngày 14/6/2017,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016 của Bộ GTVT phê duyệt đầu tư Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) với những nội dung chính sau:

#### **1. Hợp phần đường:**

1.1 Qui mô đầu tư xây dựng chủ yếu (Mục 6.1.3):

Bổ sung phần hướng dẫn lựa chọn qui mô như sau:

- Đối với đường cấp IV, V, VI, khi có thể, nên gia cố toàn bộ chiều rộng lề đường, đặc biệt là khi đường không có đường bên dành cho xe thô sơ, chủ đầu tư xem xét để quyết định.

- Trị số ghi tại mục (6), (7), (8) là qui định giới hạn thông thường. Tùy theo điều kiện thực tế, chủ đầu tư xem xét để quyết định.

1.2. Chi số giải ngân (Mục 12.1; Phụ lục 8; Phụ lục 8.2; Phụ lục 8.3) được điều chỉnh như sau:

<b>DLI</b>	<b>Tên trong QĐ 622/QĐ-BGTVT</b>	<b>Tên điều chỉnh</b>
1.2	Số Km đường được bảo dưỡng thường xuyên	Số Km đường tăng thêm được bảo dưỡng thường xuyên ở mức tối thiểu.
1.3	Tăng vốn bảo dưỡng thường xuyên đường địa phương	Gia tăng số tiền phân bổ ngân sách cho bảo trì đường địa phương.

*(Chi tiết của Phụ lục 8; Phụ lục 8.2; Phụ lục 8.3 như đính kèm).*

1.3. Cập nhật, bổ sung Danh mục và qui mô xây dựng các tuyến đường khôi phục, cải tạo (Chi tiết như Phụ lục số 3 đính kèm).

#### **2. Hợp phần cầu:**

2.1. Nội dung đầu tư xây dựng (Mục 6.2.1): Xây dựng mới khoảng 2.272 cầu dân sinh được lấy từ danh mục cầu trong Quyết định số 1695/BGTVT-KHĐT ngày 14/6/2017 của Bộ GTVT về điều chỉnh danh mục cầu tại Quyết định số 2529/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ

trương đầu tư Chương trình xây dựng cầu dân sinh đảm bảo an toàn giao thông vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2014 – 2020 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1029/VPCP-KTN ngày 29/11/2016 về việc cập nhật danh mục cầu trong Chương trình xây dựng cầu dân sinh đảm bảo ATGT vùng dân tộc thiểu số và trong Dự án LRAMP sử dụng vốn vay WB.

(Danh mục cầu thay thế, điều chỉnh bổ sung trong Phụ lục 4 và Phụ lục 5 đính kèm).

2.2 Qui mô đầu tư xây dựng chủ yếu đối với công trình xây dựng cầu (Mục 6.2.3):

Bổ sung ghi chú về hoạt tải: Đối với cầu cấp A (khổ cầu 3,5m) chiều dài nhịp lớn hơn 24m (0.65HL93) và cầu cấp B (khổ cầu 3,0m) có chiều dài nhịp lớn hơn 30m (0.45HL93) có tải trọng làn trong sơ đồ hoạt tải; công hợp tải trọng thiết kế với sơ đồ hoạt tải 0.65HL93.

### 3. Hợp phần Tư vấn chung (Mục 6.3 và Phụ lục 1):

Điều chỉnh tên các hạng mục Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật như sau:

TT	Tên trong QĐ 622/QĐ-BGTVT	Tên điều chỉnh
1	Kiểm toán Tài chính và Xác minh độc lập chi số giải ngân	Kiểm toán báo cáo tài chính và xác minh độc lập bộ chi số giải ngân
2	Hỗ trợ và giám sát độc lập về đảm bảo an toàn XH & MT	Quản lý môi trường và xã hội
3	Phát triển Hệ thống quản lý dữ liệu cầu và đường địa phương	Phát triển hệ thống quản lý tài sản đường địa phương
4	Phát triển mô hình cộng đồng bảo trì cầu và đường địa phương	Hỗ trợ công tác bảo trì đường có sự tham gia của cộng đồng

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016 của Bộ GTVT phê duyệt đầu tư Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương.

**Điều 2.** Các Ông/ Bà: Vụ trưởng Vụ KHĐT, Vụ KHCN, Vụ KCHTGT, Vụ TCCB, Vụ TC, Vụ Môi trường, Cục trưởng Cục QLXD & CLCTGT, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc các Ban QLDA 3, 4, 6, 8, Giám đốc Sở GTVT, Ban QLDACTGT các tỉnh tham gia dự án, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam;
- Kho bạc nhà nước TW;
- UBND các tỉnh tham gia dự án;
- Ngân hàng Thế giới (WB);
- Lưu VT, KHĐT.



Nguyễn Hồng Trường



**PHỤ LỤC 8.2 Chỉ số giải ngân 1.2 (DLI 1.2)**

**Số Km đường tăng thêm được bảo dưỡng thường xuyên ở mức tối thiểu của từng địa phương**

*(Kèm theo Quyết định số 4638/QĐ-BGTVT ngày 15/6/2017 của Bộ GTVT)*

TT	Tỉnh	Tổng vốn phân bổ (Tỷ đồng)	Vốn giải ngân theo DLI 1.2 (Tỷ đồng)	Chiều dài mạng lưới (Km)	Năm 2016 (Năm cơ sở)	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
						Km đường tăng thêm	Km đường được BDTX	Km đường tăng thêm	Km đường được BDTX	Km đường tăng thêm	Km đường được BDTX	Km đường tăng thêm	Km đường được BDTX	Km đường tăng thêm	Km đường được BDTX
1	Lào Cai	263	78	5.289	972	983	1.955	909	2.864	908	3.772	758	4.530	759	5.289
2	Hà Giang	265	79	8.101	750	1.691	2.441	1.456	3.897	1.433	5.330	1.385	6.715	1.386	8.101
3	Cao Bằng	230	68	3.493	1.334	593	1.927	435	2.362	436	2.798	347	3.145	348	3.493
4	Bắc Kạn	195	58	2.399	970	286	1.256	286	1.542	285	1.827	286	2.113	286	2.399
5	Lạng Sơn	234	69	4.433	822	779	1.601	887	2.488	708	3.196	618	3.814	619	4.433
6	Nam Định	170	50	2.524	222	560	782	474	1.256	505	1.761	381	2.142	382	2.524
7	Thanh Hóa	225	67	5.566	1.306	994	2.300	995	3.295	876	4.171	709	4.880	686	5.566
8	Nghệ An	262	78	10.547	1.279	1.778	3.057	2.109	5.166	2.110	7.276	1.635	8.911	1.636	10.547
9	Hà Tĩnh	207	61	4.055	1.021	710	1.731	644	2.375	644	3.019	560	3.579	476	4.055
10	Quảng Bình	208	62	3.086	622	548	1.170	479	1.649	548	2.197	479	2.676	410	3.086
11	Quảng Trị	203	60	2.459	621	448	1.069	348	1.417	419	1.836	348	2.184	275	2.459
12	TT Huế	180	53	2.871	620	527	1.147	478	1.625	479	2.104	384	2.488	383	2.871
13	Quảng Nam	205	61	3.846	1.444	490	1.934	536	2.470	536	3.006	420	3.426	420	3.846
14	Bình Định	194	57	2.440	548	460	1.008	393	1.401	394	1.795	346	2.141	299	2.440
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3038</b>	<b>900</b>	<b>61.109</b>	<b>12.531</b>	<b>10.848</b>	<b>23.379</b>	<b>10.428</b>	<b>33.807</b>	<b>10.280</b>	<b>44.087</b>	<b>8.659</b>	<b>52.746</b>	<b>8.363</b>	<b>61.109</b>



*du*



**PHỤ LỤC 8.3 Chi số giải ngân 1.3 (DLI 1.3)**

**Gia tăng số tiền phân bổ ngân sách cho Bảo trì đường địa phương**

*(Kèm theo Quyết định số 1638/QĐ-BGTVT ngày 15/6/2017 của Bộ GTVT)*

TT	Tỉnh	Tổng vốn phân bổ (Tỷ đồng)	Vốn giải ngân theo DLI 1.3 (Tỷ đồng)	Bố trí vốn dành cho Bảo trì <sup>(*)</sup> (tỷ VNĐ)															
				Năm 2016 (Năm cơ sở)	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021		
					BDTX	SCĐK	Tổng	BDTX	SCĐK	Tổng	BDTX	SCĐK	Tổng	BDTX	SCĐK	Tổng	BDTX	SCĐK	Tổng
1	Lào Cai	263	41	26	30	0	30	36	0	36	42	0	42	44	0	44	47	0	47
2	Hà Giang	265	41	19	31	0	31	41	0	41	50	0	50	60	0	60	69	0	69
3	Cao Bằng	230	36	32	37	0	37	38	3	41	38	7	45	38	9	47	38	11	49
4	Bắc Kạn	195	30	25	23	3	26	25	2	27	26	3	29	27	3	30	29	2	31
5	Lạng Sơn	234	36	21	27	0	27	37	0	37	44	0	44	48	0	48	53	0	53
6	Nam Định	170	26	5	4	4	8	6,5	4,5	11	9	5	14	10	5	15	10,8	5,2	16
7	Thanh Hóa	225	35	30	21	16	37	27	20	47	31	24	55	34	26	60	36	28	64
8	Nghệ An	262	41	28	23	18	41	27	37	64	31	58	89	34	70	104	39	81	120
9	Hà Tĩnh	207	32	23	12	15	27	16	16	32	18	19	37	20	21	41	24	19	43
10	Quảng Bình	208	32	14	14	4	18	16	6	22	17	11	28	20	12	32	22	14	36
11	Quảng Trị	203	32	13	18	0	18	22	0	22	28	0	28	33	0	33	36	0	36
12	TT Huế	180	28	15	17	0	17	21	0	21	24	0	24	25	0	25	27	0	27
13	Quảng Nam	205	32	30	34	0	34	40	0	40	47	0	47	52	0	52	57	0	57
14	Bình Định	194	30	13	16	0	16	19	0	19	22	0	22	25	0	25	26	0	26
<b>Tổng cộng</b>		<b>3038</b>	<b>473</b>	<b>294</b>	<b>308</b>	<b>59</b>	<b>367</b>	<b>371</b>	<b>89</b>	<b>460</b>	<b>428</b>	<b>126</b>	<b>555</b>	<b>470</b>	<b>146</b>	<b>616</b>	<b>514</b>	<b>160</b>	<b>674</b>
<b>Giá trị tăng vốn</b>				<b>0</b>			<b>73</b>			<b>93</b>			<b>95</b>			<b>61</b>			<b>58</b>

(\*) Bảo trì đường bộ trong Dự án LRAMP bao gồm Bảo dưỡng thường xuyên (BDTX) và Sửa chữa định kỳ (SCĐK).